TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2020
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiền.
2. Ông Nguyễn Văn Đông.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm: 1979, địa chỉ: Ấp PL, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Minh T, sinh năm: 1978, địa chỉ: Ấp PL, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Võ Thị H trình bày:

Chị và anh Huỳnh Minh T tự nguyện chung sống với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương nhưng anh chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đến nay anh chị không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau ngày cưới, chị và anh T về chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà của anh T thuộc ấp PL, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc anh chị thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng anh chị ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân thì mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nay xác

định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Trong thời gian chung sống, chị và anh T có một con chung là Huỳnh Thị Yến V, sinh ngày: 04/7/2000, hiện tại con chung đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Theo bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Minh T trình bày:

Anh thống với trình bày của chị Võ Thị H về quá trình tiến tới hôn nhân. Trong quá trình chung sống, anh và H mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 01/2020 cho đến nay, anh và H sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với H.

Trong thời gian chung sống, anh và H có một con chung là Huỳnh Thị Yến V, sinh ngày: 04/7/2000, hiện tại con chung đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh và H không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của H, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhân quan hệ vợ chồng giữa H và anh T.

+ Về con chung: H và anh T có một con chung tên Huỳnh Thị Yến V, sinh ngày: 04/7/2000, hiện tại đã thành niên nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: H và anh T trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Võ Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa chị với anh Huỳnh Minh T có địa chỉ tại ấp PL, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H và anh Huỳnh Minh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục, tập quán tại địa phương, H và anh T có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do có sự khác biệt về quan điểm sống nên dẫn đến việc anh chị thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị Hà và anh T sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể đoàn tụ được. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hà và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của H, nhưng do H và anh T không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 không công nhận H và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: H và anh T có một con chung là Huỳnh Thị Yến V, sinh ngày: 04/7/2000, hiện tại đã thành niên. H và anh T không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà và anh T trình bày không có sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị H và anh Huỳnh Minh T.

Về con chung: Chị Võ Thị H và anh Huỳnh Minh T có một con chung là Huỳnh Thị Yến V, sinh ngày: 04/7/2000, đã thành niên. Chị Võ Thị H và anh Huỳnh Minh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị H và anh Huỳnh Minh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí: Chị Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002952 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Võ Thị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã AD;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.